TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 57/2019/QĐST-HNGĐ	*Thị xã Phú Thọ, ngày 24 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1992

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988

Đều trú tại: Khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến T và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến T và chị Nguyễn Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Tiến T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 02/6/2017 và cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 14/9/2013. Kể từ tháng 6/2019 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao

động tự túc. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Anh T và chị T đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ: Anh T và chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

- Về công sức: Hai bên đều xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Tiến T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002258 ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P. Hoàn trả cho anh T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. (Xác nhận anh T đã nộp đủ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND thị xã;*
- *Chi cục THADS thị xã;*
- *UBND xã P,*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu văn phòng.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trần Hưng Thủy